TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: 258/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2024

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sau một tháng nóng kỷ lục, sang tháng 5 *thời tiết dịu mát hơn, nhưng với nhiều ngày mưa, nắng đan xen, độ ẩm cao làm xuất hiện nhiều đối tượng sâu bệnh hại lúa, các loại rau màu, các mầm gây bệnh cho đàn vật nuôi cũng như thủy sản nuôi trồng. Tuy nhiên chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản vẫn giữ ổn định. Lâm nghiệp duy trì chăm sóc và bảo vệ rừng trồng hiện có.*

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

a) Tình hình sản xuất: *Tháng 5*, do ảnh hưởng của thời tiết xuất hiện nhiều đối tượng sâu bệnh, nông dân trên địa bàn tỉnh hiện đang tập trung kiểm tra đồng ruộng nhằm phát hiện kịp thời phòng trừ các loại sâu, bệnh hại như: Ốc bươu vàng, chuột, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá. Ngoài ra, bà con nông dân đang tích cực chăm sóc cây lúa đúng theo quy trình kỹ thuật, phối hợp chặt chẽ với đơn vị điều tiết thủy lợi các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa và rau màu; duy trì công tác điều tra, dự báo sinh vật gây hại trên lúa và rau màu, cùng với đó là thu hoạch các cây rau màu đến kỳ và tiếp tục gieo trồng các loại cây rau màu còn thời vụ.

Hiện nay, lúa đang ở giai đoạn trỗ bông đến chín, ước tính, toàn tỉnh đã gieo cấy được 28.907 ha lúa, đạt 100,07% kế hoạch vụ và bằng 97,42% cùng vụ năm trước, lúa đang trong giai đoạn trỗ đến chắc xanh, diện tích lúa trỗ là 24.013,1 ha, đạt 83,07% tổng diện tích lúa.

Cùng với lúa xuân, nông dân trong tỉnh đã gieo trồng được 3.213,6 ha cây rau màu hằng năm, bằng 98,88% kế hoạch và đạt 101,1% so với cùng kỳ.

Hình 01: Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm (tính đến 15/5)

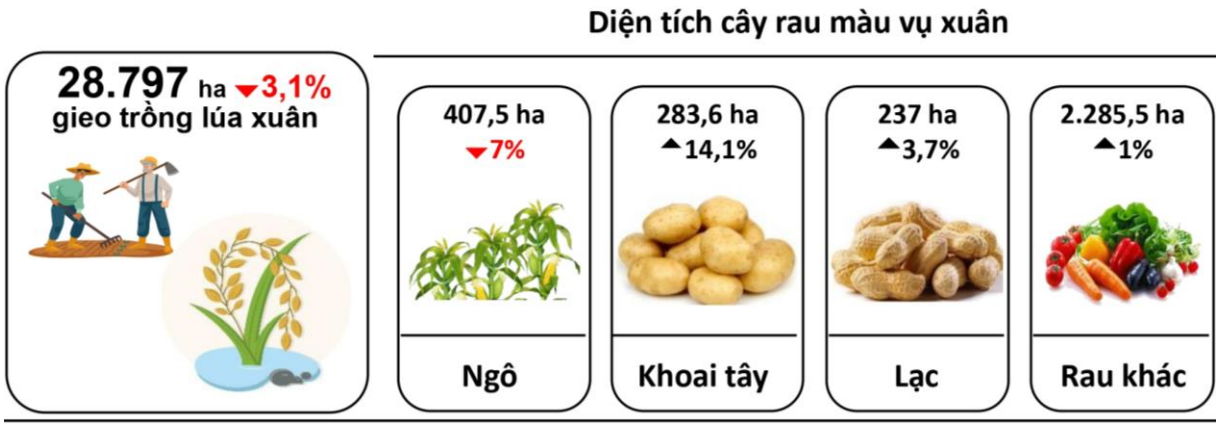

b) Công tác bảo vệ thực vật: Diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên lúa và rau màu đến ngày 15/5 là 40.780,3 ha *(chủ yếu là diện tích nhiễm sâu cuốn lá nhỏ lứa 2 và rầy nâu - RLT lứa 2)*. Diện tích phòng trừ là 65.741 ha. Thực hiện 02 khảo nghiệm đánh giá hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật trong phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ và rầy nâu rầy lưng trắng trên cây lúa.

1.1.2. Hoạt động chăn nuôi

Tháng 5, do thời tiết giao mùa dễ gây bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe đàn vật nuôi. Đồng thời, sự gia tăng vận chuyển, buôn bán hàng hóa giữa các vùng, các địa phương. Đây là những nguy cơ phát sinh dịch bệnh trên các đàn vật nuôi. Vì vậy, ngành chức năng đã khuyến cáo người chăn nuôi nên chú trọng thực hiện các biện pháp cải tạo chuồng trại thông thoáng, tránh gió lùa, mưa dột, sử dụng vôi bột hoặc hóa chất sát trùng để phun, khử chuồng trại.

Ước đến thời điểm cuối tháng 5, so với cùng thời điểm năm trước (CK): Các chỉ số về đầu con đối với các vật nuôi có xu hướng khác nhau, đàn bò giảm nhiều, đàn gia cầm tương đương với CK; đàn trâu và đàn lợn duy trì quy mô số con và đều có mức tăng so với CK.

Hình 02: Số lượng gia súc gia cầm (ước tính cuối tháng 5 so với CK)

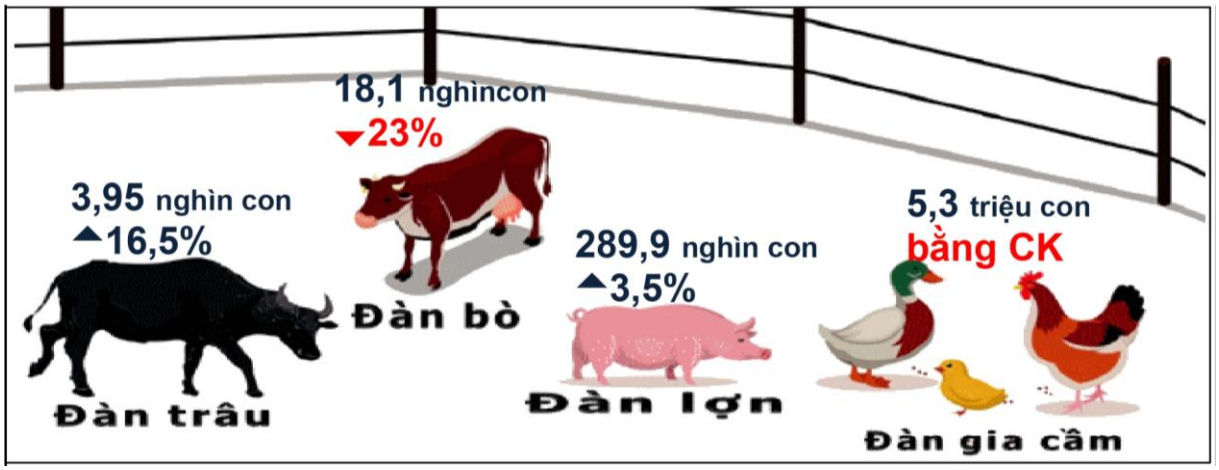

Lũy kế 5 tháng, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 34.297 tấn, tăng nhẹ (+2,1%) so với CK; riêng *tháng 5*, ước đạt 6.674 tấn, giảm nhẹ (-0,5%) so với CK.

Biểu 01. Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu

	Thực hiện 5 tháng năm năm 2023	Ước tính 5 tháng năm 2024	Tốc độ tăng của 5 tháng năm 2024 so với CK (%)
Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)			
Thịt lợn	22.109,7	23.045,0	+4,2
Thịt gia cầm	10.218,0	9.825,0	-3,8
Thịt trâu	140,5	171,5	+22,1
Thịt bò	1.120,6	1.255,0	+12,0
Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác			
Trứng (Triệu quả)	117,3	116,2	-0,9
Sữa (Nghìn tấn)	535,9	438,0	-18,3

1.1.3. Hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật[1]

- *Tình hình dịch bệnh:* Trong tháng từ ngày 22/4-16/5/2024, bệnh DTLCP xảy ra ở 15 hộ chăn nuôi tại 08 thôn, khu phố của 06 xã, phường thuộc 04 huyện, thị xã, thành phố gồm: Lương Tài và Thuận Thành, Từ Sơn, Gia Bình đã làm 133 con lợn *(14 con lợn nái, 01 con lợn đực giống, 56 con lợn thịt và 62 con lợn sữa)* mắc bệnh, chết.

- *Công tác phòng, chống dịch:* Chỉ đạo, hướng dẫn tiêu hủy toàn bộ 133 con lợn mắc bệnh, chết theo đúng quy định với tổng trọng lượng 4.240,1 kg. Đồng thời, hướng dẫn các hộ có lợn mắc bệnh và các xã, phường - nơi xảy ra ổ bệnh DTLCP thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định. Kết quả phòng dịch:

+ Công tác tiêm phòng đại trà cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân - Hè năm 2024: toàn tỉnh tiêm được 21.169 liều vắc-xin cho đàn trâu, bò *(7.513 liều THT, 7.501 liều LMLM, 6.155 liều VDNC)*; 510.002 liều vắc-xin các loại cho đàn lợn *(149.848 liều dịch tả lợn cổ điển, 145.027 liều THT, 42.807 liều PTH, 31.028 liều LMLM, 34.092 liều tai xanh, 200 liều DTLCP và 107.000 liều vắc-xin khác)*; 9.512.227 liều vắc-xin các loại cho đàn gia cầm *(2.501.000 liều cúm gia cầm, 2.410.355 liều Newcastle, 2.279.395 liều Gumboro, 762.477 liều dịch tả vịt và 1.559.000 liều vắc-xin khác)*; 80.293 liều vắc-xin dại cho đàn chó, mèo; 1.311 liều vắc-xin LMLM cho đàn dê.

[1] *Nguồn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

+ Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường: Toàn tỉnh sử dụng 2.060 lít hóa chất và 28 tấn vôi bột để khử trùng, tiêu độc chuồng trại chăn nuôi, cơ sở ấp nở, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi có ổ dịch và nơi có nguy cơ lây nhiễm cao...

- Thực hiện nghiêm công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

1.2. Lâm nghiệp

Trong tháng, ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác tuần tra, bảo vệ rừng; duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Chỉ đạo và hướng dẫn các hộ có rừng chăm sóc rừng trồng hiện có như phát cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn nhằm giúp cho cây trồng chính sinh trưởng và phát triển tốt.

Một số kết quả hoạt động lâm nghiệp chủ yếu:

- *Trồng và chăm sóc rừng:* Các địa phương, đơn vị triển khai kế hoạch trồng cây phân tán năm 2024 theo kế hoạch của UBND tỉnh. *Tính đến cuối tháng 5*, toàn tỉnh trồng được 20,5 nghìn cây lâm nghiệp phân tán các loại, tạo cảnh quan môi trường.

- *Khai thác gỗ và lâm sản:* Ước tính tháng 5, toàn tỉnh khai thác được 330 m^3 gỗ, giảm 2,08% so với cùng kỳ, sản lượng củi khai thác được 240 ste, giảm 1,44%. Nhìn chung, sản lượng gỗ, củi khai thác chủ yếu là ở cây trồng phân tán đến tuổi thu hoạch trên các trục đường giao thông, trong vườn tạp của các hộ gia đình, bờ mương và một số tuyến đường cần giải phóng mặt bằng để nâng cấp. Khai thác rừng tập trung không đáng kể, vì rừng trồng tập trung ở trên địa bàn tỉnh chủ yếu là rừng phòng hộ.

1.3. Thuỷ sản

Trong tháng, nuôi trồng thủy sản cơ bản ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, tuy nhiên do thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa, nhiệt độ có sự thay đổi nhiều, đây là điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn gây bệnh trên các đối tượng thuỷ sản phát triển. Vì vậy, cơ quan chức năng đã khuyến các các cơ sở nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn tỉnh chú trọng phòng chống dịch bệnh trên đàn thuỷ sản thả nuôi. Cũng trong tháng các cơ sở nuôi trồng thủy sản tiếp tục tiến hành thả thủy sản giống vụ xuân năm 2024, đồng thời thu hoạch cá nuôi trong ao, trong lồng, tích cực chăm sóc ao ương cá bột, cá hương, cá giống mới thả nuôi.

Tính đến giữa tháng 5, diện tích ước đạt 4.598,2 ha, đạt 96,04 % với cùng kỳ và đạt 97,83% so với kế hoạch 2024. Số lồng nuôi cá trên sông giữ ổn định 2.629 lồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 144 lồng). Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 3.865.1 tấn, tăng 6,87% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi cá trong ao đất đạt 2.847,6 tấn, tăng 1,59% so với cùng kỳ; nuôi lồng bè đạt 760 tấn, tăng 24,59% so với cùng kỳ; sản lượng thủy sản khác đạt 35 tấn; sản lượng khai thác đạt 222,5 tấn, tăng 31,42% so với cùng kỳ.

Hình 03: Sản lượng thủy sản 4 tháng so với CK

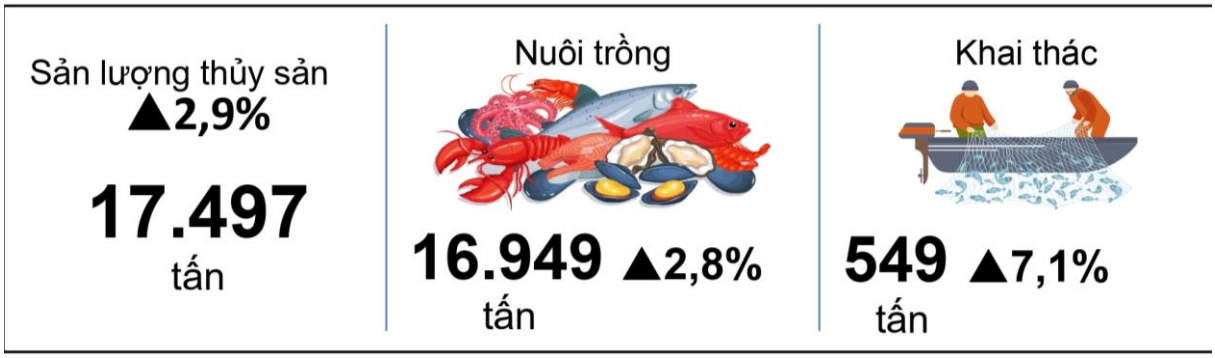

Lũy kế đến hết tháng 5, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 17.497,4 tấn, tăng 2,9% so với CK, trong đó: Sản lượng nuôi trồng là 16.949 tấn, tăng 2,8%; sản lượng thủy sản khai thác là 548,6 tấn, giảm 7,1%.

2. Sản xuất công nghiệp

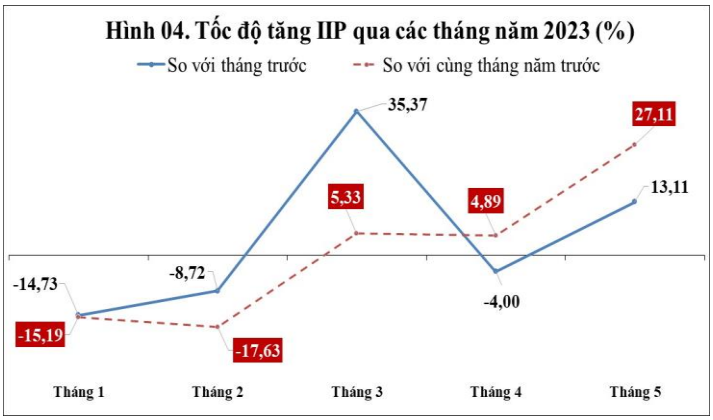

Tháng 5, sản xuất công nghiệp là điểm sáng của nền kinh tế khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng cao (+13,11%) so với tháng trước, đồng thời tăng rất cao (+27,11%) so với cùng tháng năm trước (CK). Đáng chú ý là sau 3 tháng liên tiếp đạt mức tăng so với CK đã đưa lũy kế 5 tháng đầu năm 2023 lần đầu tiên đã đạt mức tăng dương trở lại (+0,16%) so với CK. Hiện nay, sản xuất tuy chưa đạt được quy mô so với năm 2022, nhưng cho thấy những tín hiệu tích cực trong sản xuất công nghiệp của tỉnh.

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

So với CK, IIP liên tiếp đạt mức tăng vào các tháng 3, tháng 4 và tháng 5 lần lượt là (+5,33%, +4,89% và +27,11%). Như vậy, sản xuất công nghiệp đã dần trở lại quy mô bình thường hướng tới phục hồi tăng trưởng.

Tháng 5, phân tích diễn biến chỉ số IIP toàn ngành và chi tiết ở các ngành công nghiệp cấp 1, cấp 2 so với các gốc so sánh cụ thể như sau:

- *So với tháng trước*, IIP toàn ngành công nghiệp tăng cao (+13,11%), trong đó: Xét theo ngành công nghiệp cấp 1, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+13,22%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+2,58%); riêng ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (-2,3%). Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có 16/24 ngành có chỉ số sản xuất tăng, một số ngành có chỉ số tăng cao như: Sản xuất thiết bị điện (+52,17%); đáng chú ý là ngành SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh (+14,46%); In, sao chép bản ghi các loại (+7,49%). Ở chiều ngược lại, có 08 ngành cấp 2 có chỉ số giảm nhưng mức giảm không đáng kể như: Sản xuất thuốc và hóa dược liệu (-1,72%); Sản xuất máy móc và thiết bị chưa được phân vào đâu (-1,67%); Sản xuất phương tiện vận tải khác (-1,94%); Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (-0,3%);...

- *So với cùng tháng năm trước*: IIP toàn ngành công nghiệp tăng rất cao (+27,11%), trong đó: Xét theo ngành công nghiệp cấp 1, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhiều nhất (+27,23%); tiếp đến là ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+23,4%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (+8,91%). Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có tới 19 ngành có chỉ số sản xuất tăng, một số ngành có chỉ số tăng cao là: In, sao chép bản ghi các loại (+107,27%), Sản xuất sản phẩm thuốc lá (+39,64%); đặc biệt phải kể đến ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+30,49%). Tuy vậy, vẫn có 05 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số giảm, cụ thể là: Sản xuất chế biến thực phẩm (-6,22%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (-7,21%); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-1,92%); Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (-25,17%) và Sản xuất phương tiện vận tải khác (-24,99%).

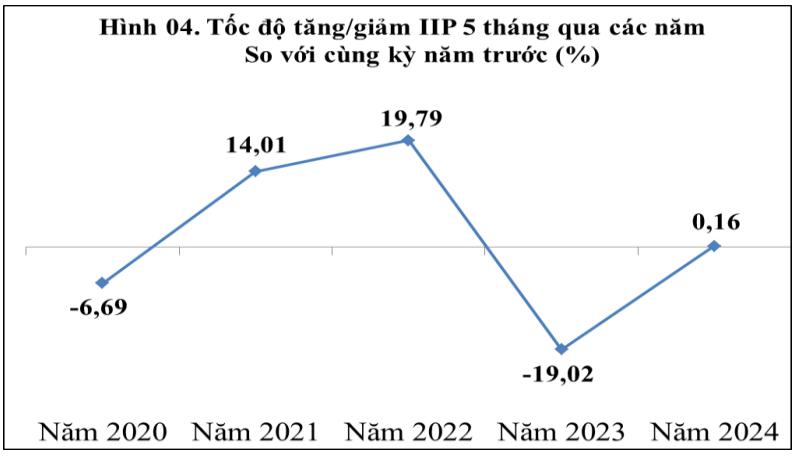

Tính chung 5 tháng, IIP toàn ngành công nghiệp lần đầu tiên trong năm đã đạt mức tăng trưởng dương (+0,16%) so với CK, trong đó: Xét theo ngành

công nghiệp cấp 1, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng nhẹ (+0,05%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (+11,08%) và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+21,32%). Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có 16 ngành có chỉ số IIP tăng, trong đó một số ngành có mức tăng cao là: Sản xuất sản phẩm thuốc lá (+50,79%); Thoát nước và xử lý nước thải (+33,71%); Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (+25,18%). Ở chiều ngược lại, có 08 ngành có chỉ số IIP giảm, trong đó có ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh là: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học. Tuy nhiên, do tiếp tục có sự cải thiện nên ngành này chỉ còn giảm nhẹ (-0,56%).

Biểu 02. Tốc độ tăng/giảm IIP 5 tháng các năm 2020-2024 so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm

ĐVT: %

	2020	2021	2022	2023	2024
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	-5,53	13,43	22,33	-20,05	-0,56
Sản xuất trang phục	-10,21	39,58	39,81	-34,36	8,95
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-0,01	14,70	12,31	-24,38	-7,97
Sản xuất kim loại	-16,40	18,71	-0,83	0,74	27,05
Sản xuất thiết bị điện	-29,36	17,03	-7,90	-30,08	4,66
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-55,45	40,52	-35,63	-15,16	25,18

2.2. Sản phẩm công nghiệp

Tháng 5, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự phục hồi tốt đã kéo nhiều sản phẩm chủ yếu tăng lên, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh đạt được mức tăng so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước. Tình hình cụ thể như sau:

- *So với tháng trước,* có 14/23 sản phẩm chủ yếu có mức tăng, trong đó có 50% số sản phẩm trọng điểm của tỉnh: Máy in (+17,4%); Linh kiện điện tử (+39,1%) và Pin điện thoại (+129,2%). Ở chiều ngược lại, có 09 sản phẩm chủ yếu bị giám xuống, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh là: Điện thoại di động thường (-10,8%); Điện thoại thông minh (-17,7%) và Đồng hồ thông minh (-20%).

- *So với cùng tháng năm trước,* có tới 18 sản phẩm chủ yếu của tỉnh có mức tăng, trong đó có 04 sản phẩm chủ lực của tỉnh, cụ thể: Máy in (+54,6%); Điện thoại thông minh (+29,2%); Linh kiện điện tử (+30,3%) và Pin điện thoại các loại (+36,2%). Còn lại 05 sản có mức giảm so với tháng cùng kỳ, trong đó có 02

sản phẩm trọng điểm của tỉnh là Đồng hồ thông minh giảm nhiều (-30,3%) và Điện thoại di động thường (-19,9%).

Biểu 03. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng 5

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 5 năm 2024	Tháng 5/2024 so với tháng 4/2024 (%)	Tháng 5/2024 so với tháng 5/2023 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	886	117,4	154,6
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	1.480	89,2	80,1
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	2.298	82,3	129,2
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	1.322	80,0	69,7
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	41.992	139,1	130,3
6. Pin điện thoại các loại	1000 viên	11.345	229,2	136,2

Tính chung 5 tháng, có 17 sản phẩm có mức tăng so với CK, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh là: Máy in (+10,7%); Điện thoại thông minh (+2,6%) và Pin điện thoại các loại (+11,1%). Ở chiều ngược lại có 06 sản phẩm có mức giảm, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh là: Điện thoại di động thường (-25%); Đồng hồ thông minh (-7,1%) và Linh kiện điện tử (-0,6%).

Biểu 04. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số tăng cao trong 5 tháng năm 2024

	Đơn vị tính	Ước tính 5 tháng năm 2024	5 tháng năm 2024 so với tháng 5 tháng năm 2023 (%)
1. Dược phẩm có chứa Vitamin	Kg	313.609	157,1
2. Sắt, thép dùng trong xây dựng	Tấn	316.963	167,8
3. Thức ăn gia súc	Tấn	237.100	128,2
4. Máy in-copy	1000 cái	3.456	110,7
5. Pin điện thoại các loại	1000 viên	46.853	111,1

2.3. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Tại thời điểm 01/5/2024, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp so với cùng thời điểm tháng trước giảm nhẹ (-0,39%), tuy nhiên so với cùng thời điểm tháng cùng kỳ tăng nhẹ (+0,98%). Cụ thể xét theo loại hình doanh nghiệp và theo ngành công nghiệp cấp 1 như sau:

- Xét theo loại hình doanh nghiệp: Lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước so với các gốc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm tháng CK lần lượt là (-0,13%) nhưng (+1,5%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (+0,25%) nhưng (-0,14%); Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (+1,13%) nhưng (-0,47%).

- Xét theo ngành công nghiệp cấp 1: Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+1%) so với cùng thời điểm tháng trước nhưng (-0,44%) so với thời điểm tháng CK; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, giữ nguyên và tăng nhẹ (+0,87%); tương tự ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, giữ nguyên và (+3,49%).

Tính chung 5 tháng, chỉ số sử dụng lao động của toàn ngành công nghiệp (-0,13%) so với CK. Cụ thể xét theo loại hình doanh nghiệp và theo ngành công nghiệp cấp 1 như sau:

- Xét theo loại hình doanh nghiệp: Các doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lao động (+1,04%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (-0,47%) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn (-0,1%) đã tác động trực tiếp làm giảm quy mô lao động chung của các doanh nghiệp công nghiệp.

- Xét theo ngành công nghiệp cấp 1: Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (-0,19%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (+0,78%) và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+5,18%) so với CK.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp[2]

Tháng 5, đã có sự biến động lớn trong đăng ký doanh nghiệp, đó là: Tổng vốn đăng ký mới tăng đột biến (+297,9%) so với tháng trước và (+619,5%) so với tháng CK; tương tự, vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp thành lập mới cũng tăng cao lần lượt là (+469,1%) và (+597,3%). Như vậy, lũy kế 5 tháng cả 3 chỉ tiêu về đăng ký doanh nghiệp đều tăng, đó là: Số doanh nghiệp thành lập mới (+6,5%); tổng vốn đăng ký mới (+15,3%), tổng vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp thành lập mới (+8,2%). Như vậy, bước sang tháng 5 quy mô doanh nghiệp đã mở rộng hơn, cho thấy những tín hiệu tốt. Điều này chứng tỏ năng lực về tài chính, sản xuất - kinh doanh,... của các doanh nghiệp đã được cải thiện.

Tháng 5, số doanh nghiệp thành lập mới được 323 doanh nghiệp, tuy giảm nhiều so với tháng trước (-30,1%) nhưng lại tăng lên so với tháng CK (+3,2%); với tổng số vốn đăng ký bổ sung là 11.117 tỷ đồng, tăng đột biến ở cả 2 gốc so sánh lần lượt là (+297,9%) và (+619,5%), đã kéo theo vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt được mức 34,4 tỷ đồng, tăng đột biến ở cả 2 gốc so sánh lần lượt là (+469,1%) và (+597,3%); có 74 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm nhiều ở cả 2 gốc so sánh lần lượt là (-47,5%) và (-38,3%).

[2] Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ở chiều ngược lại, cũng có 127 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh giảm nhiều so với tháng trước (-22,6%) và bằng tháng CK năm trước; có 17 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tuy giảm mạnh so với tháng trước (-48,5%) nhưng vẫn tăng so với tháng CK (+6,3%).

Hình 05. Tình hình đăng ký doanh nghiệp 4 tháng năm 2024 so với CK

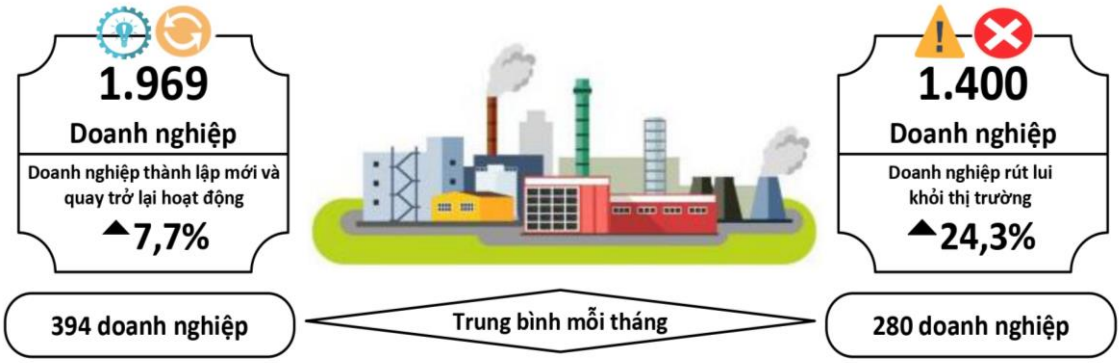

Tính chung 5, toàn tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 1.460 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 20.330 tỷ đồng, so với CK tăng khá cả về số doanh nghiệp đăng ký mới và tổng vốn đăng ký mới lần lượt là: (+6,5%) và (+15,3%), đồng thời kéo vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 13,9 tỷ đồng (+8,2%) so với CK. Cũng trong 5 tháng, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 509 doanh nghiệp tăng khá (+11,1%). Ở chiều ngược lại, có 184 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tăng rất nhiều (+43,8%); 1.216 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động (+21,8%). Như vậy, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới và tái gia nhập thị trường là 1.969 doanh nghiệp tăng khá (+7,7%) và bằng 140,6% số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 1.400 doanh nghiệp (+24,3%). Ngoài ra, có 158 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình (+6,8%) nhằm thích nghi theo mô hình hoạt động phù hợp hơn.

Biểu 05. Doanh nghiệp tham gia và rút lui khỏi thị trường 5 tháng đầu năm 2024 phân theo loại hình doanh nghiệp

	Tham gia		Rút lui	
	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	**1.969**	**107,7**	**1.400**	**124,3**
Công ty TNHH 1 thành viên	1.487	108,5	938	121,5
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	293	100,0	286	131,2
Công ty Cổ phần	184	114,3	163	131,5
Doanh nghiệp Tư nhân	5	125,0	13	108,3
Công ty Hợp danh	-	-	-	-

Lũy kế đến 20/5/2024, trên địa bàn tỉnh có 23.452 doanh nghiệp đã đăng ký, tăng 13,9% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 415.094 tỷ đồng, tăng 13,1% và 6.030 đơn vị trực thuộc, tăng 17,2%.

4. Đầu tư và thu hút đầu tư

Tháng 5, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tiếp đà tăng tăng mạnh ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước (lần lượt là +11,1% và +30,8%), cho thấy sự quyết tâm nỗ lực của toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh trong việc chung tay đẩy mạnh thực hiện vốn đầu tư công, nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả trong ngắn hạn và dài hạn. Lũy kế 5 tháng, vốn đầu tư đã tăng trở lại (+3,5%). Việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), số dự án tăng nhiều, nhưng vốn đăng ký lại tăng không đáng kể. Như vậy, quy mô các dự án đầu tư FDI còn hạn chế.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (viết gọn là VĐT)

Tháng 5, ước tính VĐT đạt 499,9 tỷ đồng, tăng nhiều ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và CK lần lượt là (+11,1%) và (+30,8%). Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 283,3 tỷ đồng (+15,8%) và (+34,4%); vốn ngân sách cấp huyện đạt 126,1 tỷ đồng (+1,2%) và (+42,1%); vốn ngân sách cấp xã đạt 90,4 tỷ đồng (+12,0%) và (+9,6%).

Lũy kế 5 tháng, ước tính VĐT đạt 1.845 tỷ đồng, tăng 3,5% so với CK; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách địa phương đến nay được 21,2% kế hoạch vốn của năm 2024.

Cụ thể, phân theo cấp quản lý như sau:

+ Vốn cấp tỉnh, ước đạt 925,7 tỷ đồng, bằng 19,8% kế hoạch năm, tăng 0,9% so với CK, trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 529,8 tỷ đồng, bằng 16,8%, giảm 32,6%; vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 395,9 tỷ đồng, bằng 26,4%, tăng 201,1%. Một số công trình trọng điểm của tỉnh như: Đầu tư các tuyến đường tỉnh ĐT.295C, ĐT.285B kết nối thành phố Bắc Ninh qua các khu công nghiệp với QL.3 mới; Dự án mở rộng trung tâm y tế huyện Yên Phong; Dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh…

+ Vốn cấp huyện, ước đạt 503,3 tỷ đồng, bằng 23,8%, tăng 27,1% so với CK, trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 443 tỷ đồng, bằng 22,8%, tăng 27%; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 60,3 tỷ đồng, bằng 35,9%, tăng 27,8%. Một số công trình trọng điểm của cấp huyện như: Đường nội thị thị xã Quế Võ (đoạn Nhân Hòa đi Đại Xuân); Xây dựng hệ thống chiếu sáng xã Đào Viên; Trường liên cấp tiểu học và THCS Trần Quốc Toản (giai đoạn 2); Xây

dựng trường THCS Võ Cường; Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Nam Sơn; Đầu tư xây dựng đường từ TL286 đi phường Khúc Xuyên; Sân vận động huyện Tiên Du; Hạ tầng Trung tâm hành chính mới huyện Tiên Du,…

+ Vốn cấp xã, ước đạt 416 tỷ đồng, bằng 21,9%, giảm 11,2%, trong đó: Vốn cân đối ngân sách xã đạt 388,9 tỷ đồng bằng 21,5%, giảm 13,7%; vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 27,1 tỷ đồng bằng 30,4%, tăng 52,6%. Một số công trình trọng điểm của cấp xã như: Xây dựng hệ thống chiếu sáng xã Phù Lãng (TX Quế Võ); Xây dựng hệ thống chiếu sáng xã Châu Phong(TX Quế Võ); Đường giao thông xã Phượng Mao (TX Quế Võ); Từ ĐT.279 đi khu công nghiệp Quế Võ 1; Đầu tư xây dựng khu nhà ở thôn Phương Cầu; Xây dựng hệ thống chiếu sáng xã Hán Quảng, Xây dựng hệ thống chiếu sáng xã Đức Long….

4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài[3]

4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước

Tính từ đầu năm đến 20/5, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 19 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 5.005,09 tỷ VNĐ; cấp điều chỉnh đăng ký đầu tư cho 42 dự án đầu tư, trong đó có 14 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 1.336,5 tỷ đồng (11 dự án tăng vốn: 1.701 tỷ đồng; 03 dự án giảm vốn: 364,5 tỷ đồng). *Riêng tháng 5*, toàn tỉnh cấp mới đăng ký cho đầu tư cho 03 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.606 tỷ VNĐ; cấp điều chỉnh đăng ký đầu tư cho 4 lượt dự án thứ cấp.

Lũy kế đến nay: Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã cấp 1.570 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 265.302 tỷ đồng.

4.2.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Năm tháng đầu năm niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài đối với tỉnh Bắc Ninh đang tiếp tục tăng lên. Minh chứng là có thêm 202 dự án đầu tư nước ngoài đăng ký mới tăng đột biến *(tăng 95 dự án, tức tăng 88,8%)* so với CK; trong đó: Các nhà đầu tư chủ yếu đến từ Trung Quốc 127 dự án; Hồng Kông 29 dự án; Singapo 19 dự án và 660,9 triệu USD vốn đăng ký mới tăng rất nhiều *(tăng 127,6 triệu USD, tức tăng 23,9%).*

Ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 70 dự án (tăng 10 dự án), với số vốn điều chỉnh tăng là 445,6 triệu USD (tăng 148,5 triệu USD); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 24 lượt (tăng 6 lượt) với giá trị là 28,9 triệu USD (tăng 19,7 triệu USD); thu hồi 29 dự án (tăng 11 dự án) với tổng vốn đầu tư là 24,5 triệu USD (giảm 11,3 triệu USD). *Riêng tháng 5*, cấp mới đăng ký đầu tư cho 45 dự án với

[3] Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

tổng vốn đầu tư đăng ký là 110,13 triệu USD (trong đó: có 1 dự án lớn của Singapo đầu tư vào ngành cho thuê nhà xưởng và kinh doanh bất động sản với số vốn là 65 triệu USD); điều chỉnh vốn cho 13 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 20,8 triệu USD; chấm dứt hoạt động 04 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,26 triệu USD.

Biểu 06. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép

	Từ 21/12/2023 đến 20/5/2024 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	**1.110,9**	**138,2**
Vốn đăng ký mới	660,9	123,9
Vốn điều chỉnh	445,6	150,0
Góp vốn, mua cổ phần	28,9	311,9
Thu hồi	24,5	68,5

5. Thương mại-dịch vụ; chỉ số giá tiêu dùng; xuất nhập khẩu

Tháng 5, thương mại - dịch vụ của tỉnh vẫn là điểm sáng khi duy trì mức tăng 2 con số so với CK. Tính chung 5 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 7,5% (tiếp tục cải thiện hơn mức tăng 4 tháng đạt 6,9%). Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, tháng 4 tăng so với CK. Lũy kế 4 tháng xuất nhập khẩu vẫn bị giảm 3%, riêng xuất khẩu tương đương với CK.

5.1. Lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ

Tháng 5, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì nguồn cung hàng hóa dồi dào không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, giá cả hàng hóa hợp lý phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 8.435 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và tháng CK lần lượt là (+2%) và (+10,3%). Cụ thể, xét theo ngành hoạt động:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 6.266 tỷ đồng, so với các gốc so sánh:

+ *So với tháng trước,* tăng 1,6%, trong đó có 09/11 nhóm hàng hóa có chỉ số tăng, một số nhóm hàng tăng là: Gỗ và vật liệu xây dựng (+5,4%); Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) (+4,2%); Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+3%);... Ở chiều ngược lại chỉ có 02 nhóm hàng hóa có chỉ số giảm là: Ô tô các loại (-3,6%) và Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng) (-2,7%).

+ *So với tháng CK*, tăng 7,4% với 10 nhóm hàng hóa có chỉ số tăng, một số nhóm hàng tăng cao như: Vật phẩm văn hóa, giáo dục (+17,9%); Xăng, dầu các loại (+17,5%); Lương thực, thực phẩm (+9,2%). Chỉ có 01 nhóm hàng có chỉ số giảm là Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng) (-14,8%).

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 766 tỷ đồng (+3,8 %) so với tháng trước và (+10,1%) so với tháng CK.

- Doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành ước đạt 36 tỷ đồng (+7,8%) so với tháng trước và tăng đột biến (+227,7%) so với tháng CK.

- Doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 1.367 tỷ đồng (+2,7%) so với tháng trước và tăng cao (+23,7%) so với tháng CK.

Tính chung 5 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 41.355 tỷ đồng, (+7,5%) so với CK, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 31.168 tỷ đồng (+4,8%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 3.736 tỷ đồng (+3%); đặc biệt doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 140 tỷ đồng (tăng gấp hơn 3 lần) và doanh thu ngành dịch vụ ước đạt 6.311 tỷ đồng tăng nhiều (+23,7%).

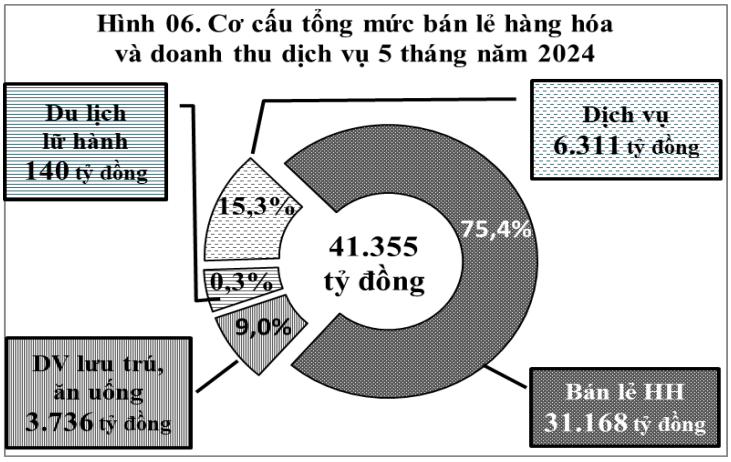

5.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Tháng 5, mặc dù tăng nhẹ (+0,3%) so với tháng trước, tuy nhiên vẫn duy trì mức tăng khá cao so với tháng CK (+4,42%) đã kéo bình quân 5 tháng CPI tăng lên 4,26% (bình quân 4 tháng +4,22%), đây là mức tăng vẫn nằm trong khoảng mục tiêu tốc độ tăng CPI bình quân năm 2024 của Chính phủ đề ra. Giá vàng tháng 5 tiếp tục biến động tăng lên đặc biệt tăng mạnh ở 2 gốc so sánh tháng CK và thời điểm cuối tháng 12/2023, tiếp tục kéo bình quân 5 tháng tăng lên đột biến (+22,2%); cũng trong tháng 5, giá đô la Mỹ cũng có xu hướng tăng khá, bình quân 5 tháng đạt mức tăng 5,09%.

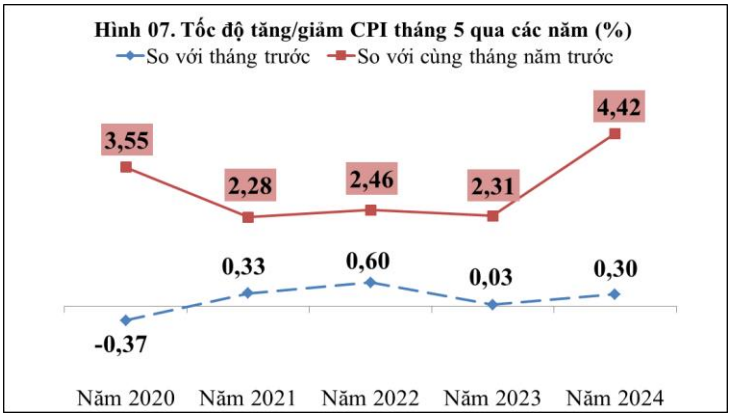

5.2.1 Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

- *Tháng 5,* so với tháng trước, CPI tăng 0,3%, phân tích cụ thể biến động ở các nhóm hàng hóa, dịch vụ như sau:

+ Có 05/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, cụ thể là: (1) Văn hóa, giải trí và du lịch tăng cao nhất (+5,57%) do trong tháng có các ngày nghỉ lễ

30/4-01/5 kéo dài nên nhu cầu du lịch của người dân tăng cao làm cho giá nhóm du lịch trọn gói (+15,16%), trong đó du lịch trong nước tăng cao (+20,05%); (2) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,97%) chủ yếu do giá nhóm thực phẩm (+1,38%), trong đó: nhóm thịt gia súc (+3,68%) và giá rau tươi, khô và chế biến (+3,38%); (3) Thuốc và dịch vụ y tế (+0,05%) do giá thuốc các loại (+0,28%), trong đó có thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng (+0,32%); (4) Đồ uống và thuốc lá (+0,03%) do thời tiết chuyển nắng nóng, nhu cầu tăng nên giá nước khoáng và nước có ga (+0,3%); (5) Hàng hóa và dịch vụ khác tăng nhẹ (+0,02%) chủ yếu do và giá đồ trang sức (+1,11%), tăng theo giá vàng trong tháng.

+ Ở chiều ngược lại, có 04 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giảm, cụ thể: (1) Giao thông (-1,43%) do giá nhóm nhiên liệu sau các kỳ điều hành giá trong tháng (-4,6%), trong đó xăng (-4,75%) và dầu diezel (-5,07%); (2) Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,39%) do giá điện sinh hoạt trong tháng (-1,46%) và giá ga (-5,26%); (3) Bưu chính viễn thông (-0,13%) do giá thiết bị điện thoại (-0,38%); (4) Thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,12%) do giá thiết bị dùng trong gia đình (-0,41%), trong đó giá máy điều hòa nhiệt độ (-0,66%) và giá máy giặt (-0,98%).

+ Còn lại 02 nhóm hàng hóa, dịch vụ có giá giữ nguyên so với tháng trước là nhóm hàng May mặc, giày dép và mũ nón và nhóm Giáo dục.

- *Tháng 5*, so với cùng tháng năm trước, CPI tăng khá cao (+4,42%), cụ thể ở các nhóm hàng hóa và dịch vụ như sau:

+ Có tới 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, tăng nhiều có các nhóm: (1) Thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất (+21,54%) do nhóm dịch vụ khám sức khỏe (+27,99%) bởi giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; (2) Giáo dục (+7,8%) do áp dụng mức thu học phí mới theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 về hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trở đi tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn và một số cơ sở giáo dục ngoài công lập phải tự chủ về kinh phí điều chỉnh mức tăng học phí phù hợp với quy định; (3) Văn hoá, giải trí và du lịch (+12,43%) chủ yếu do giá du lịch trọn gói (+39,54%), trong đó du lịch trong nước (+36,54%), du lịch nước ngoài (+77,78%) và dịch vụ liên quan

đến vật nuôi (+25,55%); (4) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,06%) do giá nhóm lương thực (+16,75%), trong đó có mặt hàng gạo tăng cao (+28,48%) bởi nhiều quốc gia trên thế giới có nhu cầu lớn dự trữ lương thực trước bất ổn về kinh tế, chính trị, biến đổi khí hậu.

+ Ở chiều ngược lại chỉ có 01 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là nhóm Bưu chính viễn thông (-1,65%) do giá thiết bị điện thoại (-4,51%).

- *Tháng 5*, so với tháng 12/2023, CPI tăng 1,14%, trong đó có 07 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, tăng nhiều có các nhóm hàng: Văn hóa, giải trí và du lịch (+6,85%); Giao thông (+3,02%); Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+2,27%). Ở chiều ngược lại có 04 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là: May mặc, giày dép và mũ nón (-0,43%); Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,27%); Bưu chính viễn thông (-0,73%) và Giáo dục (-0,09%).

Bình quân 5 tháng, CPI tăng khá cao (+4,26%) so với CK, toàn bộ 100% các nhóm hàng hóa và dịch vụ đều có chỉ số giá tăng so với CK, các nhóm hàng có mức tăng cao như: Thuốc và dịch vụ y tế (+21,34%); Giáo dục (+7,88%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+7,14%); Hàng hóa khác (+5,05%).

Hình 08. Tốc độ tăng/giảm CPI BQ 5 tháng (%)
so với cùng kỳ năm trước qua các năm

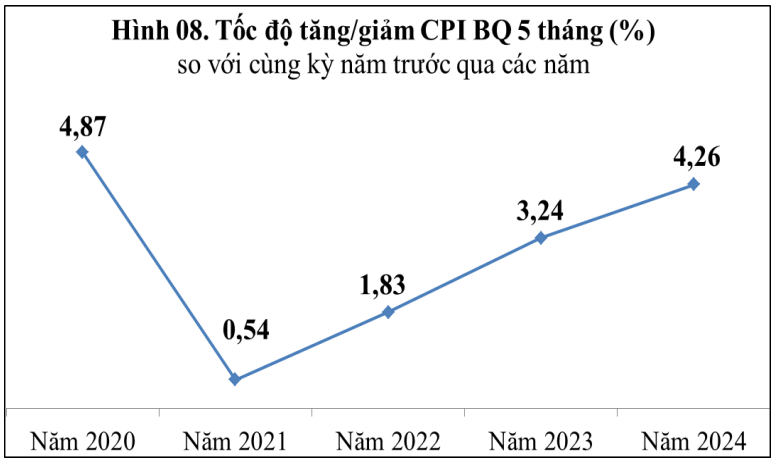

5.2.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Tháng 5, giá vàng trong nước cũng như trên địa bàn tỉnh biến động tăng mạnh theo giá vàng thế giới, được đánh giá đang ở mức cao nhất mọi thời đại. Giá vàng bình quân trong tháng trên địa bàn tỉnh bán ra ở mức 7.465.000đ/chỉ, (+2,39%) so với tháng trước, tăng rất cao (+32,83%) so với cùng tháng năm trước và (+21,7%) so với tháng 12/2023. *Bình quân 5 tháng*, giá vàng tăng nhiều (+25,2%) so với CK.

Đồng đô la Mỹ trong tháng vẫn tiếp tục xu hướng tăng giá. Giá bán đô la Mỹ trong tháng bình quân ở mức 2.546.557VND/100 USD, tăng ở cả 3 gốc so sánh so với tháng trước, cùng tháng năm trước và tháng 12/2023 lần lượt là (+1,33%), (+7,74%) và (+4,25%). *Bình quân 5 tháng*, giá đô la Mỹ (+5,09%) so với CK.

5.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa[4]

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa: *Tháng 4,* sơ bộ đạt 5,3 tỷ USD, giảm 8,4% so với tháng trước nhưng tăng 6,5% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 4 tháng, đạt 21,2 tỷ USD giảm 3% so với CK.

Hình 09. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 4 tháng năm 2024

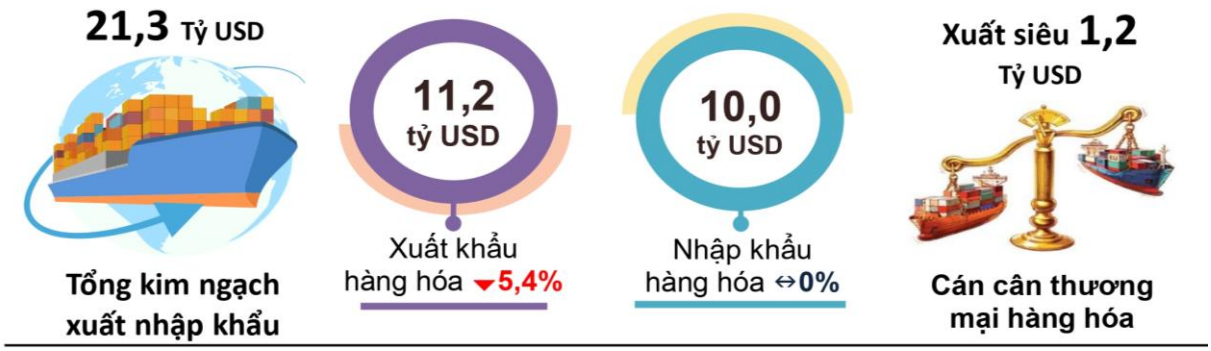

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa: *Tháng 4,* sơ bộ đạt 2,74 tỷ USD, giảm 12,7% so với tháng trước, nhưng tăng 5,2% so với cùng tháng năm trước. *Lũy kế 4 tháng*, đạt 11,2 tỷ USD giảm 5,4%, trở lại vị trí thứ 2 cả nước (sau TPHCM).

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: *Tháng 4,* đạt 2,56 tỷ USD giảm 3,3% so với tháng trước, nhưng tăng 7,9% so với cùng tháng năm trước. *Lũy kế 4 tháng*, đạt 10 tỷ USD, tương đương với CK, duy trì vị trí thứ 3 cả nước (Sau TPHCM và Hà Nội).

Cán cân thương mại hàng hóa: *Tháng 4*, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, nên đã xuất siêu 0,184 tỷ USD, bằng 6,7% kim ngạch xuất khẩu. *Lũy kế 4 tháng,* xuất siêu 1,2 tỷ USD, bằng 10,9% kim ngạch xuất khẩu.

6. Giao thông vận tải

Tháng 5, sản lượng vận tải hành khách và hàng hóa cơ bản giữ ổn định và đều tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước; riêng dịch vụ hỗ trợ vận tải tuy bị giảm so với tháng trước, nhưng lại tăng đột biến so với cùng tháng năm trước. Tính chung 4 tháng, doanh thu vận tải cả 3 ngành vận tải đều tăng lên trong đó tăng nhiều nhất là dịch vụ hỗ trợ vận tải (+32%); tiếp đến vận tải hành khách (+22,3%); vận tải hàng hóa tăng nhẹ (+2,6%).

6.1. Sản lượng vận tải

6.1.1. Vận tải hành khách

Tháng 5, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 1.796,2 nghìn lượt khách, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và tháng CK lần lượt là (+0,5%) và (+8,9%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 67,8 triệu lượt khách.km (+0,3%) và (+12,5%). Xét theo ngành vận tải:

- Vận tải hành khách đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.787,4 nghìn lượt khách (+0,5%) và (+8,9%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 67,8 triệu lượt khách.km (+0,3%) và (+12,5%).

[4] Nguồn: Website Tổng cục Hải Quan (Số liệu sơ bộ của tháng trước, không có ước tính của tháng báo cáo).

- Vận tải hành khách đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 8,8 nghìn lượt khách (+5,2%) và (+0,4%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 0,01 triệu lượt khách.km (+5%) và (+0,1%).

Tính chung 5 tháng, sản lượng vận tải hành khách đường bộ và đường thủy đều tăng so với CK, cụ thể theo biểu sau:

Biểu 07. Vận tải hành khách 5 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	**8.939,4**	**335,3**	**+12,8**	**+16,1**
Đường bộ	8.886,4	335,3	+12,8	+16,1
Đường thủy	53,0	0,05	+7,3	+6,8

6.1.2. Vận tải hàng hoá

Tháng 5, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 4,1 triệu tấn, so với các gốc so sánh tháng trước và tháng CK lần lượt là (+2,4%) và (+5,2%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 218,6 triệu tấn.km (+5,4%) và (+3,7%). Xét theo ngành vận tải:

- Vận tải hàng hóa đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 3 triệu tấn (+0,4%) và (+6,9%); khối lượng luân chuyển ước đạt 84,4 triệu tấn.km (+0,1%) và (+9,3%).

- Vận tải hàng hóa đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 1,1 triệu tấn (+8,6%) và (+0,7%); khối lượng luân chuyển ước đạt 134,3 triệu tấn.km (+9%) và (+0,4%).

Tính chung 5 tháng, sản lượng vận tải hàng hóa tăng so với CK, trong đó đường bộ tăng lên nhưng đường thủy lại giảm, cụ thể theo biểu sau:

Biểu 08. Vận tải hàng hóa 5 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	**19,9**	**1.053,0**	**+2,4**	**+2,2**
Đường bộ	14,7	407,1	+7,0	+8,8
Đường thủy	5,2	645,9	-8,6	-1,6

6.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tháng 5, doanh thu vận tải hành khách và hàng hóa đều tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và tháng CK; dịch vụ hỗ trợ vận tải tuy giảm so với tháng trước nhưng vẫn tăng cao so với tháng CK. Cụ thể, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5 ước đạt 980,9 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và tháng CK lần lượt là (-2,2%) nhưng (+27,9%).

- Xét theo ngành vận tải: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 99 tỷ đồng (+0,8%) và (+20,5%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 360 tỷ đồng (+2%) và (+3,2%); doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 521,9 tỷ đồng (-5,4%) nhưng tăng cao (+55,4%).

- Xét theo loại hình kinh tế: doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 18,1 tỷ đồng (+2,9%) nhưng (-13,2%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước đạt 499 tỷ đồng (+1,2%) và (+9,2%); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 463,8 tỷ đồng (-5,7%) nhưng tăng đột biến (+60,5%).

Tính chung 5 tháng, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 5.043,9 tỷ đồng (+19,3%) so với CK.

- Xét theo ngành vận tải: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 482,7 tỷ đồng (+22,3%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.743,1 tỷ đồng (+2,6%); doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 2.818,1 tỷ đồng (+32%).

- Xét theo loại hình kinh tế: doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 97,4 tỷ đồng giảm nhẹ (-0,01%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước đạt 2.441,9 tỷ đồng (+8,1%); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2.504,6 tỷ đồng tăng cao (+33,8%).

7. Thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN)[5]

Cân đối thu chi ngân sách là một điểm sáng khi tháng 5 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng khá cao (+13,7%) so với cùng tháng năm trước. Trong thu nội địa một số khoản thu đạt mức tăng cao như: Thu từ DNNN TW, DN có vốn FDI, thu thuế ngoài nhà nước. Chi ngân sách địa phương, tập trung các khoản chi đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội. Lũy kế 5 tháng, tổng thu ngân sách Nhà nước tiếp tục duy trì mức tăng cao (+17,6%) so với CK. Chi ngân sách địa phương cũng tăng khá cao (+11%) tập trung chủ yếu cho chi đầu tư phát triển (+14,8%).

[5] Nguồn: Sở Tài chính

Hình 10. Thu, chi ngân sách nhà nước 5 tháng năm 2024

Nguồn: Sở Tài chính

7.1. Thu ngân sách Nhà nước

Tháng 5, tổng thu NSNN ước đạt 1.790 tỷ đồng, giảm nhiều (-34,1%) so với tháng trước nhưng khá (+13,7%) so với tháng CK, trong đó: Thu nội địa ước đạt 1.140 tỷ đồng (-40,9%) nhưng (+14,5%); thu từ Hải quan ước đạt 650 tỷ đồng (-17,4%) nhưng (+12,3%). Tổng thu ngân sách địa phương ước đạt 835 tỷ đồng (-39,8%) nhưng (+16,5%).

Tính chung 5 tháng, tổng thu NSNN ước đạt 15.786 tỷ đồng, bằng 50,5% dự toán năm và tăng 17,6% so với CK, trong đó: Thu nội địa 12.498 tỷ đồng, bằng 51,6% và (+18,1%); thu từ Hải quan 3.288 tỷ đồng, tăng 15,7%. Trong thu nội địa, một số khoản thu có tỷ lệ thực hiện dự toán và tốc độ tăng cao so với CK là: Thu thuế ngoài nhà nước, bằng 67% và (+33,6%); Thu phí, lệ phí, bằng 66,3% và (+21,7%); Thu từ DN có vốn ĐTTTNN, bằng 62,8% và (+15,5%); Thu thuế thu nhập cá nhân, bằng 56,3% và (+14,3%). Ở chiều ngược lại, chỉ có 01 khoản thu tuy có tỷ lệ thực hiện dự toán khá cao nhưng giảm so với CK là: Thu từ DNNN Trung ương, bằng 43,2% và (-1,1%). Tổng thu ngân sách địa phương ước đạt 10.520 tỷ đồng, bằng 57,5% và (+38,8%).

7.2. Chi ngân sách địa phương

Tháng 5, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.100 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và tháng CK lần lượt là (+25,4%) và (+9,2%), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 500 tỷ đồng, tăng cao (+77,4%) và (+5,4%); Chi thường xuyên ước đạt 600 tỷ đồng (+1,1%) và (+12,5%). Trong chi thường xuyên, một số khoản chi có mức tăng cao ở cả 2 gốc so sánh là: Chi bảo vệ môi trường (+12,1%) và (+78,6%); Chi y tế, dân số và gia đình (+10,3%) và (+46%); Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề (+7,9%) và (+16,3%).

Tháng chung 5 tháng, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 6.348 tỷ đồng, bằng 30,1% dự toán năm và (+11%) so với CK, trong đó: Chi đầu tư phát

triển ước đạt 2.900 tỷ đồng, bằng 38,5% và (+26,2%); Chi thường xuyên ước đạt 3.182 tỷ đồng, bằng 42,2% và (+14,8%). Các nhiệm vụ chi trong tháng vẫn được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước và an sinh xã hội. Trong chi thường xuyên có một số khoản chi có mức tăng cao so với CK như: Chi bảo vệ môi trường, bằng 18,5% và (+42,8%); Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bằng 31,6% và (+22,5%); Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể, bằng 36,5% và (+12,3%); Chi đảm bảo xã hội, bằng 49,5% và (+12,1%). Ngược lại, các khoản chi có mức giảm nhiều so với CK là: Chi thường xuyên khác, bằng 13,8% và (-59,2%); Chi an ninh, bằng 16,3% và (-48,4%); Chi quốc phòng, bằng 29% và (-28,2%).

8. Ngân hàng - Tín dụng[6]

Tháng 5, hoạt động tín dụng ngân hàng tiếp tục duy trì mức tăng thấp (+9,7%) so với tháng CK (thấp hơn nhiều so với Kế hoạch đề ra tăng 15%). Điều này cho thấy người dân và doanh nghiệp vẫn chưa bung mạnh trong sản xuất kinh doanh. Tổng nguồn vốn huy động hiện nay đang giảm và tăng thấp so với các gốc so sánh tháng trước, tháng CK và thời điểm cuối năm 2023, do lãi suất tiền gửi hiện nay ở mức thấp người dân chuyển tiền sang các kênh đầu tư có lợi nhuận cao hơn. Nợ xấu và tỷ lệ nợ giữ ổn định và tương đương với CK.

Tháng 5, mặc dù các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế, song do xu hướng giảm lãi suất của các NH, *ước tính đến cuối tháng 5,* tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đạt 207.500 tỷ đồng (+1,5%) so với cùng thời điểm tháng trước, (+2,8%) so với cùng thời điểm tháng CK nhưng (-10,2%) so với thời điểm cuối năm 2023, trong đó: Tiền gửi cá nhân ước đạt 129.600 tỷ đồng (-1,8%) nhưng (+11,7%) và (+4%); Tiền gửi của các tổ chức ước đạt 73.100 tỷ đồng (+7,8%) nhưng (-7,8%) và (-27%); Nguồn vốn huy động khác ước đạt 2.800 tỷ đồng (+5%) nhưng (-28,4%) và (-35,8%); Phát hành giấy tờ có giá ước đạt 2.000 tỷ đồng (+7,8%) nhưng (-25,5%) và (-2,6%).

Cũng trong tháng 5, các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục triển khai công tác tín dụng theo định hướng chỉ đạo của Thống đốc NHNN tại Chỉ thị số 01 năm 2024 cũng như văn bản thông báo kết luận tại Hội nghị triển khai thúc đẩy hoạt động tín dụng năm 2024 vào ngày 20/02/2024; triển khai các giải pháp tích cực nhằm hỗ trợ khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng, hướng tín dụng vào lĩnh vực ưu tiên, tập trung cho vay sản xuất kinh doanh,...Tuy nhiên do

[6] Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

khó khăn chung của nền kinh tế, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, người dân trên địa bàn còn hạn chế. *Ước tính đến cuối tháng 5,* tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh ước đạt 166.500 tỷ đồng (+0,4%) so với cùng thời điểm tháng trước, (+9,7%) so với cùng thời điểm tháng CK và (+1,7%) so với thời điểm cuối năm 2023, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 121.000 tỷ đồng, (+0,5%), (+12,2%) và (+2,5%); Dư nợ cho vay trung, dài hạn ước đạt 45.500 tỷ đồng (+0,1%), (+3,5%) nhưng (-0,5%). Cơ cấu tín dụng nhìn chung duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ tích cực doanh nghiệp và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng dư nợ các lĩnh vực Nông nghiệp - Công nghiệp xây dựng - Thương mại dịch vụ tương ứng khoảng 3,7%-32,6%-63,7%.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tỉnh tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. *Ước tính đến cuối tháng 5,* nợ xấu trên địa bàn là 2.250 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,35% tổng dư nợ cho vay.

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội[7]

Lao động và giải quyết việc làm: Trong tháng, ngành chức năng, tiếp tục duy trì tổ chức tốt mạng lưới dịch vụ cung ứng lao động, giao dịch, giới thiệu việc làm như thực hiện các phiên giao dịch việc làm định kỳ, phối hợp tốt với các doanh nghiệp trong tỉnh, doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các địa phương tổ chức các phiên giao dịch việc làm để kết nối thông tin thị trường lao động. Tổ chức tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động và tháng công nhân 2024; Tuyên truyền lưu động để hưởng ứng tháng hành động về ATVSLĐ và tháng công nhân năm 2024. Thường xuyên đôn đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện các chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động theo nội dung đã thỏa thuận; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động, tạo mối quan hệ lao động hài hòa, tránh xảy ra tranh chấp lao động, đình công. Cụ thể: Thực hiện cấp giấy phép lao động/xác nhận không thuộc diện cấp phép lao động cho 685 người lao động nước ngoài, trong đó: cấp mới cho 556 lao động, gia hạn cho 105 lao động, xác nhận không thuộc diện cấp phép lao động đối với 24 lao động; Giải quyết bảo hiểm thất nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia cho 65 người lao động.

[7] Căn cứ nguồn số liệu báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội, trong tháng, cơ quan chức năng đã tổ chức hội nghị gặp mặt, tọa đàm, trao tặng quà và Lễ dâng hương viếng Anh hùng liệt sĩ nhân kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024). Tổng hợp kết quả rà soát người tham gia trực tiếp làm nên Đại Thắng mùa Xuân 1975; Tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, tiếp tục đưa người có công đi điều dưỡng tập trung tại Sầm Sơn - Thanh Hóa. *Công tác trẻ em và Bình đẳng giới,* lựa chọn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn nhận hỗ trợ xe đạp từ Công ty Bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam tài trợ. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nhân Tháng hành động vì trẻ em và Tết thiếu nhi 01/6/2024;

9.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh[8], ngộ độc thực phẩm

Trong tháng, ngành y tế đã tích cực chỉ đạo các cơ sở y tế trong và ngoài công lập tăng cường phòng, chống dịch bệnh, công tác giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các tình huống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, dịch bệnh mùa hè, dịch bệnh lây qua đường tiêu hóa; Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, người lao động trước tác động của thời tiết nắng nóng, hạn hán; đảm bảo công tác y tế trong dịp nghỉ Lễ 30/4 - 01/5; Lễ phát động tháng công nhân, hưởng ứng Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động; Ngày hội công nhân, phiên chợ công nhân năm 2024; Hội khỏe phù đổng toàn quốc lần thứ X năm 2024 khu vực II tại Bắc Ninh và Thái Nguyên; đảm bảo công tác y tế và tham gia diễn tập PCTT&TKCN tại huyện Lương Tài, huyện Tiên Du năm 2024.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch: Trong tháng, ghi nhận 14 trường hợp mắc Covid-19, lũy tích năm 2024 là 171 trường hợp; 01 trường hợp sốt xuất huyết Dengue, lũy tích năm là 20 trường hợp; 297 trường hợp mắc cúm (cúm mùa - hội chứng cúm), lũy tích năm là 1.229 trường hợp; 152 trường hợp mắc tay chân miệng, lũy tích năm là 205 trường hợp; 07 trường hợp mắc sốt phát ban nghi Sởi/Rubella, lũy tích năm là 08 trường hợp; lũy tích năm là 01 trường hợp mắc bệnh Whitmore.

Công tác tiêm chủng mở rộng: Tổng số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trong kỳ 1.534 trẻ, lũy tích năm 2024 là 5.886 trẻ; số phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván là 1.514 người, lũy tích năm là 5.301 người.

[8] Nguồn: Sở Y tế

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Trong tháng. có 01 trường hợp nhiễm HIV mới tại TP Bắc Ninh. Tổng số người nhiễm HIV/AIDS hiện quản lý được trên địa bàn tỉnh là 934 người; Số người nhiễm HIV có thẻ bảo hiểm y tế là 881 người (94,3%); Số mắc AIDS là 46 người, số được quản lý là 15 người.

Công tác Dân số - KHHGĐ và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em: Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024: Tổng số trẻ sinh ra là 4.993 trẻ, trong đó có 2.789 trẻ sinh ra là nam, 2.204 trẻ sinh ra là nữ; 1.372 trẻ sinh là con thứ 3 trở lên; 248 trẻ sinh ra là con của phụ nữ dưới 20 tuổi. Tỷ số giới tính khi sinh 126,5 trẻ trai/100 trẻ gái. Tỷ lệ sàng lọc trước sinh là 91,6%; tỷ lệ sàng lọc sơ sinh là 88,8% (theo số liệu thống kê tại cộng đồng). Tỷ lệ cặp vợ chồng sử dụng BPTT hiện đại là 68,7%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai: 100%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần/3 kỳ đạt 98%; Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh đạt 71%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500gram: 4,7%.

Tình hình hoạt động khám chữa bệnh y tế công lập như sau: Tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh: 188.039 lượt, trong đó số lượt khám chữa bệnh tại Trạm Y tế 37.915 lượt; Điều trị nội trú 20.574 lượt; Tổng số ca phẫu thuật: 2.834 ca, trong đó phẫu thuật có chuẩn bị: 1.483 ca. Tổng số chuyển tuyến 4.330 ca, trong đó chuyển tuyến nội trú 446 ca, chuyển tuyến ngoại trú 3.637 ca.

- *Công tác an toàn thực phẩm*[9]: *Tháng 5*, ngành chức năng tiếp tục triển khai hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục các sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Trong tháng, trên địa bàn toàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, cụ thể, ngành chức năng đã đã tiến hành kiểm tra: 150 cơ sở SXKD thực phẩm, trong đó 85,3% cơ sở đạt yêu cầu.

9.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

9.3.1. Giáo dục và đào tạo[10]

Trong tháng, ngành giáo dục đã tổ chức kiểm tra học kỳ II, năm học 2022-2023 cho học sinh các cấp. Các phương án được chuẩn bị kỹ lưỡng, tạo điều kiện thuận lợi để học sinh hoàn thành bài kiểm tra. Chỉ đạo việc dạy và học nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học; ôn tập cho học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và các lớp cuối cấp. Chỉ đạo xét hoàn thành chương trình tiểu học đối với học sinh lớp 5 và chuẩn bị các điều kiện xét tốt nghiệp THCS đối với học sinh lớp 9. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục về công tác tuyển

[9] Nguồn: Ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh
[10] Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo;

sinh các lớp đầu cấp, vào lớp 6 các trường THCS trọng điểm năm học 2024-2025 và hướng dẫn các cơ sở giáo dục trong công tác làm hồ sơ thi tốt nghiệp, hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng năm 2024. Hướng dẫn công tác hè và bàn giao học sinh các cấp về nghỉ hè năm 2024 theo quy định.

9.3.2. Hoạt động khoa học và công nghệ[11] *(KH&CN)*

Trong tháng, tiếp tục triển khai thực hiện quy trình tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2024; thực hiện đôn đốc, kiểm tra, theo dõi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Triển khai có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trong tháng đã thẩm định và cấp 04 giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 01 chứng chỉ cho nhân viên bức xạ; triển khai đảm bảo đúng Kế hoạch tổ chức kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5) và 01 cuộc toạ đàm giới thiệu về bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), cấp 02 Giấy chứng nhận đăng ký nội dung chuyển giao công nghệ; cấp 01 Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung nội dung cho tổ chức khoa học và công nghệ; tiếp nhận và giải quyết 96 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, 02 hồ sơ công bố hợp chuẩn; kiểm định, hiệu chuẩn 1908 phương tiện đo các loại; kiểm nghiệm, thử nghiệm 11 mẫu sản phẩm hàng hóa…. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được duy trì và cập nhật thường xuyên nhằm tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về khoa học công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới phục vụ sản xuất và đời sống, trong tháng đã đăng tải 131 tin, bài, chuyên mục với nhiều nội dung thông tin phong phú.

9.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình[12]

9.4.1. Hoạt động văn hóa

Trong tháng, ngành chức năng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, với nhiều hình thức: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền Kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954-7/5/2024), 49 năm Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2024), 138 năm Ngày Quốc tế Lao động (1/5/1886-1/5/2024) và 134 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2024).

Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh, tổ chức biểu diễn thành công 13 buổi, trong đó phục vụ nhiệm vụ chính trị 10 buổi, doanh thu 03 buổi. Đặc biệt đã tổ chức thành công chương trình hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh trên thuyền chào mừng Ngày Thống nhất đất nước 30/4, Ngày Quốc tế lao động 01/5 và hướng tới

[11] Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ;
[12] Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và Du lịch.

kỷ niệm 70 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024) tại hồ Vua Bà,...; tiếp tục ký âm các bài Quan họ cổ và các tư liệu, hiện vật về văn hóa Quan họ và Nhà hát Dân ca Quan họ để phục vụ trưng bày tại sảnh Nhà hát.

Trung tâm Văn hóa tỉnh, biểu diễn 08 phục vụ nhiệm vụ chính trị. Chiếu phim lưu động 65 buổi phục vụ các nhiệm vụ chính trị không doanh thu từ ngày 11/4-10/5/2024 tại thành phố Bắc Ninh, huyện Lương Tài, huyện Gia Bình, thành phố Từ Sơn; Tổ chức 06 buổi trình diễn nghệ thuật dân gian truyền thống tại các điểm di tích, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2024; Khai thác nguồn phim và tổ chức hoạt động chiếu phim: Tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024) và phim tuyên truyền theo kế hoạch chiếu phục vụ nhân dân tại các cơ sở thôn làng, xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh. Tổ chức Khai mạc đợt phim kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024).

Thư viện tỉnh, cập nhật giới thiệu sách trên Website Thư viện tỉnh: 45 tên sách; cấp đổi 285 thẻ, tổng số thẻ đang phục vụ 9.167 thẻ; phục vụ 4.281 lượt bạn đọc; luân chuyển 11.468 lượt sách, báo, tạp chí các loại. Tổ chức thành công Ngày hội sách và Văn hóa đọc tỉnh Bắc Ninh năm 2024, thời gian 03 ngày *(từ ngày 11-13/4/2024)*. Trưng bày tư liệu kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 -7/5/2024) với chủ đề "Chiến thắng Điện Biên Phủ - Sức mạnh Việt Nam, tầm vóc thời đại"; trưng bày 15 mô hình sách nghệ thuật, 38 tranh đạt giải tại Cuộc thi Vẽ tranh "Em yêu chiến sĩ Điện Biên", 40 ảnh tiêu biểu, 01 cảnh đồ và 265 bản sách về Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ; tổ chức nói chuyện chuyên đề "Chiến thắng Điện Biên Phủ - Sức mạnh Việt Nam, tầm vóc thời đại" do GS-TS Hoàng Chí Bảo làm diễn giả. Đặc biệt tại Liên hoan tuyên truyền giới thiệu sách và phát triển văn hóa đọc - Chào mừng kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024) với chủ đề "Điện Biên Phủ", đội tuyển dự thi của Thư viện tỉnh đã giành giải nhất toàn toàn tại - Vang mãi bản hùng ca", nội dung dự thi được Ban Giám khảo liên hoan đánh giá cao, mang đậm bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Bảo tàng tỉnh, bảo tàng tỉnh đã tiếp đón, phục vụ thuyết minh 15.226 lượt khách tham quan, học tập, trải nghiệm. Hoàn thành 03 cuộc trưng bày, triển lãm chuyên đề Chào mừng kỷ niệm 49 năm ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2024) và 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2024) theo kế hoạch. Phối hợp với Đoàn Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh và Đoàn Thanh niên CSHCM Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức Chương trình chiếu phim và giới thiệu tư liệu tái hiện lại chiến

thắng Điện Biên Phủ cho đoàn viên thanh niên trong toàn Khối nhân dịp kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954-7/5/2024); phối hợp với Công ty TNHH Suntour Bắc Ninh tổ chức các chương trình giáo dục, hoạt động trải nghiệm cho các đoàn học sinh đến tham quan tại Bảo tàng. Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ "Phiên bản hiện vật tiêu biểu phục vụ hoạt động trưng bày, triển lãm lưu động quảng bá di sản văn hóa Bắc Ninh". Trong tháng sưu tâm được 12 hiện vật phục vụ trưng bày, nhập thông tin 50 hồ sơ hiện vật vào phần mềm quản lý hiện vật của Cục Di sản văn hóa

Công tác bảo tồn di tích và xúc tiến du lịch, Tổ chức chương trình khai mạc không gian trưng bày tái hiện chợ tranh Đông Hồ diễn ra từ ngày 21 - 23/4, góp phần quảng bá nghề tranh dân gian Đông Hồ đến đông đảo du khách; tham gia chương trình "Sau giờ thứ 8" do Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Đài phát thanh -Truyền hình Bắc Ninh tổ chức. Phối hợp với Trường Đại học Văn Lang tiến hành khảo sát, nghiên cứu tại Chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp; chụp ảnh, ghi hình tư liệu tại lễ tát giếng ở Đền Cùng, khu Viên Xá, phường Hòa Long. Phối hợp với VTV quay phim tư liệu tại Kinh Dương Vương. Hỗ trợ một số đơn vị, doanh nghiệp du lịch nghiên cứu kết nối Tour, tuyến điểm du lịch trên địa bàn thị xã Quế Võ, thị xã Thuận Thành, huyện Tiên Du; Thực hiện tốt công tác tu bổ, tôn tạo di tích; Trong tháng, đón tiếp, thuyết minh, tuyên truyền khoảng 2800 lượt khách tham quan làng nghề và một số di tích tiêu biểu. Tổ chức chương trình khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống, quảng bá du lịch, trình diễn rối nước Đồng Ngư tại điểm di tích như: đền Tam Phủ, đền Cao Lỗ Vương, huyện Gia Bình; đình Tranh, chùa Bút Tháp, huyện Thuận Thành; đền Đô, thành phố Từ Sơn.

9.4.2. Thể dục thể thao

Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, tham mưu trình lãnh đạo Sở ban hành Quyết định thành lập 08 đội tuyển tham gia thi đấu các giải quốc gia: môn đấu kiếm, môn vật, môn Boxing, môn quần vợt, môn cử tạ, môn đua thuyền (Giải Đua thuyền Canoeing; Giải Đua thuyền Rowing), môn Judo. Đề nghị UBND tỉnh cử 03 đoàn vận động viên tham gia thi đấu các giải thể thao quốc tế: Giải vô địch Boxing U22 và trẻ châu Á năm 2024 tại Cộng hòa Ca-dắc-xtan, từ ngày 23/4/2024 - 09/5/2024; Giải vô địch và vô địch trẻ Judo Đông Nam Á năm 2024 tại Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, từ ngày 28/5/2024 đến ngày 03/6/2024; Giải vô địch Karate Đông Nam Á[13] tại Thái Lan, từ ngày 22 đến ngày 27/4/2024.

[13] Kết quả tham gia thi đấu Giải Karate Đông Nam Á được 04 HCĐ

Trung tâm Đào tạo Bóng chuyền tỉnh, duy trì công tác đào tạo, huấn luyện, quản lý vận động viên. Bảo đảm điều kiện tập luyện để Đội Bóng chuyền Kinh Bắc tập huấn tại Đà Nẵng và tham gia thi đấu vòng 1 giải hạng A năm 202 tại tỉnh Quảng Nam. Kết quả thắng 4/4 trận, nhất bảng D. Phối hợp đón vận động viên Thái Lan sang làm nhiệm vụ thi đấu giải hạng A theo thoả thuận.

9.4.3. Phát thanh truyền hình

Phát thanh: Sản xuất và phát sóng 93 chương trình thời sự tổng hợp. 415 chương trình chuyên đề, chuyên mục, chương trình văn nghệ, ca nhạc. Phát sóng 511,5 giờ, chất lượng tốt.

Truyền hình: Sản xuất và phát sóng 186 chương trình thời sự tổng hợp. 90 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề. 77 chương trình văn nghệ, 77 chương trình thể thao. 31 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 744 giờ, chất lượng tốt.

Thông tin điện tử: Upload 62 chương trình truyền hình, 31 chương trình phát thanh, 31 các chương trình sân chơi, tạp chí, chuyên mục. Tổng số lượt người truy cập trong tháng 67.300 lượt; Thực hiện Live Stream 3 chương trình trên nền tảng mạng xã hội Fan Page và Youtube của Đài. Các chương trình gồm: Giao lưu, tọa đàm "Điện Biên phủ - Khát vọng non sông" do Hội Cựu Chiến binh tỉnh và Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh phối hợp thực hiện; Chương trình nghệ thuật "Điện Biên Phủ - Mốc vàng lịch sử"; Lễ Kỷ niệm, diễu binh, diễu hành 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ do Đài TH Việt Nam thực hiện.

9.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông

9.5.1. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Công tác quân sự[14]: Các đơn vị quân đội, duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, trực phòng không, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật, canh gác bảo đảm an toàn (nhất là dịp Giỗ Tổ Hùng Vương, 30/4, 01/5 và ngày 07/5). Làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ Tư lệnh Quân khu về làm việc với BCĐ diễn tập KVPT huyện Tiên Du; xây dựng ý định diễn tập KVPT huyện Tiên Du, diễn tập PCTT-TKCN huyện Lương Tài và luyện tập CH-CQ 1 bên 2 cấp trên bản đồ năm 2024 đảm bảo chặt chẽ. Tổ chức Hội thao thể dục thể thao Quốc phòng năm 2024 tuyển chọn, thành lập đội tuyển tham gia thi đấu cấp Quân khu theo đúng kế hoạch; Tuyên truyền công tác QS-QPĐP; Bảo đảm tốt công tác Hậu cần, Kỹ thuật cho các nhiệm vụ; bảo đảm đầy đủ xăng dầu vận tải theo kế hoạch. Cơ quan, đơn vị bảo đảm an toàn VKTB, kho tàng và an toàn giao thông.

[14] Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh

Công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội [15]*:* Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục ổn định. Lực lượng Công an tỉnh đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, nhất là tình hình liên quan đến Dự án đường vành đai 4.

Cụ thể tình hình như sau:

(1) Về tội phạm trật tự xã hội:

- *Tháng 5*, xảy ra 64 vụ phạm tội về TTXH (so với tháng 4/2024 giảm 16 vụ = 20%). Trong đó:

+ Phạm pháp hình sự xảy ra 52 vụ (giảm 01 vụ = 1,5%), làm 01 người chết, 08 người bị thương; tài sản thiệt hại hơn 04 tỷ đồng;

+ Cờ bạc: Bắt giữ 11 vụ, 54 đối tượng (giảm 02 vụ), thu giữ 149,91 triệu đồng, làm rõ số tiền các đối tượng giao dịch gần 2,95 tỷ đồng; khởi tố 11 vụ, 53 đối tượng;

+ Mại dâm: Phát hiện 01 vụ, 05 đối tượng (giảm 01 vụ); khởi tố 01 vụ, 02 đối tượng. Điều tra làm rõ 57/64 vụ phạm tội về TTXH, 152 đối tượng, đạt tỷ lệ điều tra 89,1%.

- *Tính chung 5 tháng*: Xảy ra 383 vụ phạm tội về TTXH, trong đó:

+ Phạm pháp hình sự xảy ra 299 vụ;

+ Cờ bạc bắt giữ 58 vụ, 356 đối tượng, thu giữ số tiền khoảng 2,78 tỷ đồng, khởi tố 68 vụ, 328 bị can;

+ Mại dâm bắt giữ 15 vụ, 93 đối tượng, khởi tố 15 vụ, 24 bị can.

(2) Tội phạm về kinh tế tham nhũng, buôn lậu

- *Tháng 5*, phát hiện, xử lý mới 18 vụ việc, 18 đối tượng về tham nhũng, kinh tế (so với trước, giảm 03 vụ, 09 đối tượng). Khởi tố mới 05 vụ, 05 bị can (02 vụ, 03 bị can về tham nhũng, chức vụ); xử lý hành chính 12 vụ, 12 đối tượng, số tiền phạt 203 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh, làm rõ 01 vụ, 01 đối tượng.

- *Tính chung 5 tháng*: Phát hiện, xử lý mới 191 vụ việc, 239 đối tượng về tham nhũng, kinh tế; khởi tố mới 43 vụ, 90 bị can; xử lý hành chính 129 vụ, 130 đối tượng, số tiền phạt 2,25 tỷ đồng.

(3) Tội phạm về ma túy:

- *Tháng 5*, phát hiện, bắt giữ 72 vụ, 129 đối tượng mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (so với tháng 4/2024 giảm 54 vụ, 89 đối

[15] Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

tượng); thu giữ 20,5g heroin, 191,53g MTTH. Lập hồ sơ khởi tố 61 vụ, 110 đối tượng; còn lại lập hồ sơ xử lý hành chính.

- *Tính chung 5 tháng*: Phát hiện, bắt giữ 463 vụ, 804 đối tượng vận chuyển, mua bán, tàng trữ, chứa chấp tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ 3,587 kg heroin, 7,168kg MTTH, 867,328 gam cần sa. Lập hồ sơ khởi tố 438 vụ, 669 đối tượng; còn lại XLHC. Tính đến thời điểm đầu tháng 5, toàn tỉnh hiện có 655 người nghiện ma tuý có hồ sơ quản lý (so với thời điểm tháng 4 tăng 26 người).

9.5.2. Tình hình an toàn giao thông:

- *Tháng 5,* xảy ra 32 vụ tai nạn giao thông, làm chết 15 người, 21 người bị thương. So với tháng 04 tăng 09 vụ (tức tăng 39,1%), tăng 03 người chết (tức tăng 25%), tăng 09 người bị thương (tức tăng 75%). Xử phạt 5.382 trường hợp, số tiền phạt trên 13,7 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe 1.354 trường hợp.

- *Tính chung 5 tháng*, Xảy ra 141 vụ TNGT đường bộ, làm chết 74 người, bị thương 82 người. Hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương sơ kết 01 năm triển khai Nghị quyết của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh về xây dựng "*Tỉnh an toàn giao thông*". Kiểm tra, xử lý 19.927 trường hợp vi phạm, với số tiền gần 49,2 tỷ đồng.

9.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường[16]

9.6.1. Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH):

- *Tháng 5,* xảy ra 11 vụ cháy (tăng 05 vụ so với tháng 4/2024); không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản 34,3 triệu đồng. Không xảy ra nổ (giảm 01 vụ so với tháng 4/2024). Kiểm tra, xử phạt 31 cơ sở, số tiền phạt gần 990 triệu đồng; tạm đình chỉ hoạt động 09 cơ sở, đình chỉ hoạt động 06 cơ sở.

- *Tính chung 5 tháng*: Xảy ra 27 vụ cháy, 01 vụ nổ. Kiểm tra, xử phạt 204 cơ sở, số tiền phạt 3,3 tỷ đồng; đình chỉ hoạt động 16 cơ sở, tạm đình chỉ hoạt động 31 cơ sở.

9.6.2. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm:

- *Tháng 5,* phát hiện 38 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với tháng 4/2024 tăng 17 vụ). Đã xác minh làm rõ 30 vụ, xử phạt hành chính 04 tổ chức, 26 cá nhân, số tiền phạt 353,1 triệu đồng; đang xác minh, làm rõ 08 vụ. Ngoài ra, đã làm rõ 07 vụ từ tháng trước, xử phạt hành chính 03 tổ chức, 05 cá nhân, số tiền phạt 210,8 triệu đồng.

---

[16] Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

- *Tính chung 5 tháng*: Phát hiện, kiểm tra 203 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm. Đã xác minh làm rõ 172 vụ, xử phạt hành chính 31 tổ chức, 141 cá nhân, số tiền phạt 2,14 tỷ đồng.

Khái quát lại: Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5, có xu hướng tích cực, trong tháng có nhiều điểm sáng như:

(1) Sản xuất công nghiệp là điểm sáng của nền kinh tế khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5, tăng cao (+13,11%) so với tháng trước và đồng thời tăng rất cao (+27,11%) so với cùng tháng năm trước (CK). Đáng chú ý là sau 3 tháng liên tiếp đạt mức tăng so với CK đã kéo lũy kế 5 tháng, lần đầu tiên đã đạt mức tăng dương trở lại (+0,16%) so với CK, tuy chưa đạt được quy mô so với năm 2022, nhưng cho thấy những tín hiệu tích cực trong sản xuất công nghiệp của tỉnh.

(2) Hoạt động thương mại dịch vụ tháng 5, tiếp tục duy trì mức tăng cao (+10,3%) so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt lĩnh vực du lịch lữ hành tăng gấp nhiều lần, kéo theo dịch vụ lưu trú, ăn uống cũng tăng ở mức 2 con số; Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng rất cao (+27,9%), trong đó, đáng chú ý doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng đột biến (+55,4%). Tính chung 5 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng khá (+7,8%) so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng cao (+19,3%).

(3) Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tính đến 20/5/2024 tiếp tục là điểm sáng trong bối cảnh thương mại, đầu tư toàn cầu bị thu hẹp tăng đột biến (+88,8%) về số dự án và (+23,9%) về vốn đăng ký mới.

(4) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 5 tiếp tục tăng cao so với tháng trước (+11,1%) và tăng rất cao so với cùng tháng năm trước (30,8%), việc tăng nhanh trong những tháng gần đây đã tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế vì đây là vốn mồi của nền kinh tế. Lũy kế 5 tháng đã có đạt được mức tăng 3,5% so với CK.

(5) Cân đối thu chi ngân sách cũng là điểm sáng khi tổng thu tháng 5, tăng khá cao (+13,7%). Lũy kế 5 tháng, tăng rất cao (+17,6%).

Tuy vậy, vẫn có những chỉ số còn chưa tích cực như:

(1) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước của cấp xã, 5 tháng đầu năm 2024 vẫn bị giảm nhiều (-11,2%) so với CK;

(2) Quy mô vốn đăng ký mới của doanh nghiệp (FDI) 5 tháng đầu năm 2024, tăng thấp hơn nhiều mức tăng về số dự án (số dự án +88,8% trong khi vốn đăng ký mới +23,9%), như vậy hiệu quả thu hút đầu tư sẽ bị hạn chế, chưa đảm bảo với tiêu chí của tỉnh đề ra 3 cao 2 ít.

(3) Tổng dư nợ tín dụng ngân hàng tăng thấp (+9,7%) so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn nhiều so với Kế hoạch đề ra là tăng 15%.

Khuyến nghị: Như vậy, trong tháng 5, đã có nhiều điểm sáng tích cực như phân tích ở trên. Ở trong tỉnh, công tác điều hành của tỉnh linh hoạt, trách nhiệm, hiệu quả hơn; đã bám sát thực tiễn, nắm chắc tình hình, phản ứng nhanh, kịp thời bằng nhiều giải pháp cụ thể phù hợp, hiệu quả … dự báo kinh tế sẽ phục hồi quy mô, tăng trưởng dương trong thời gian tới. Tuy nhiên, do quy mô kinh tế của tỉnh giảm sâu từ cuối 2023 với hoạt động sản xuất kinh doanh, một số ngành, lĩnh vực còn khó khăn, nhất là tiếp cận vốn; hiện nay sản xuất công nghiệp phục hồi nhưng chưa vững chắc; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường còn cao; sức cầu của nền kinh tế phục hồi chưa mạnh. Tăng trưởng chủ yếu dựa vào xuất khẩu. Vốn đầu tư FDI chậm chuyển hóa thành động lực tăng trưởng kinh tế một cách kịp thời. Cùng với đó tình hình thế giới còn nhiều khó khăn, xung đột Nga – Ucraine tiếp tục leo thang *(theo mức độ gia tăng hỗ trợ vũ khí và ủng hộ khác từ Mỹ, phương tây đối với Ucraine)*, chiến tranh Israel – Hamas …và những diễn biến phức tạp mới giữa Israel và Iran trong vòng xoáy tấn công, đáp trả, … ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu đồng thời cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế trong nước và của tỉnh. Do đó, tỉnh cần tiếp tục chủ động trong việc cập nhật kịp thời những giải pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Chỉ thị 01/CT-UBND tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tiếp theo; trong đó các Sở, ban, ngành, địa phương cần đưa ra các giải pháp kịp thời ứng phó với tình hình mới; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nhất là về vay vốn và lãi suất đồng thời với việc tạo môi trường điều kiện giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, khả năng hấp thụ vốn hiệu quả; …. Và, bên cạnh đó là các giải pháp kích cầu tiêu dùng./.

Nơi nhận:
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Vụ TKTH - TCTK;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh);
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- CCTK các H,TX,TP;
- Lưu: TKTH,VT.

Q. CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Vũ Minh Giang

CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 5 NĂM 2024

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ CHIÊM XUÂN 2024

(Tính đến ngày 16/5/2024)

DIỆN TÍCH GIEO CẤY

28.796,8 Ha

▼3,1%

Tiến độ gieo trồng cây rau màu

▼ 7%

Ngô

407,5 Ha

▲ 14,1%

Khoai tây

283,6 Ha

▲ 3,7%

Lạc

237 Ha

▲ 1%

Rau các loại khác

2.285 Ha

CHĂN NUÔI

Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm

34.297 tấn

▲2,1%

Số lượng gia súc, gia cầm (Thời điểm 31/5/2024)

▲ 16,5%

Trâu

3.950 Con

▼ 23%

Bò

18.100 Con

▲ 3,5%

Lợn

289.900 Con

= 100%

Gia cầm

5.300 Nghìn Con

LÂM NGHIỆP ước tính 5 tháng so với cùng kỳ

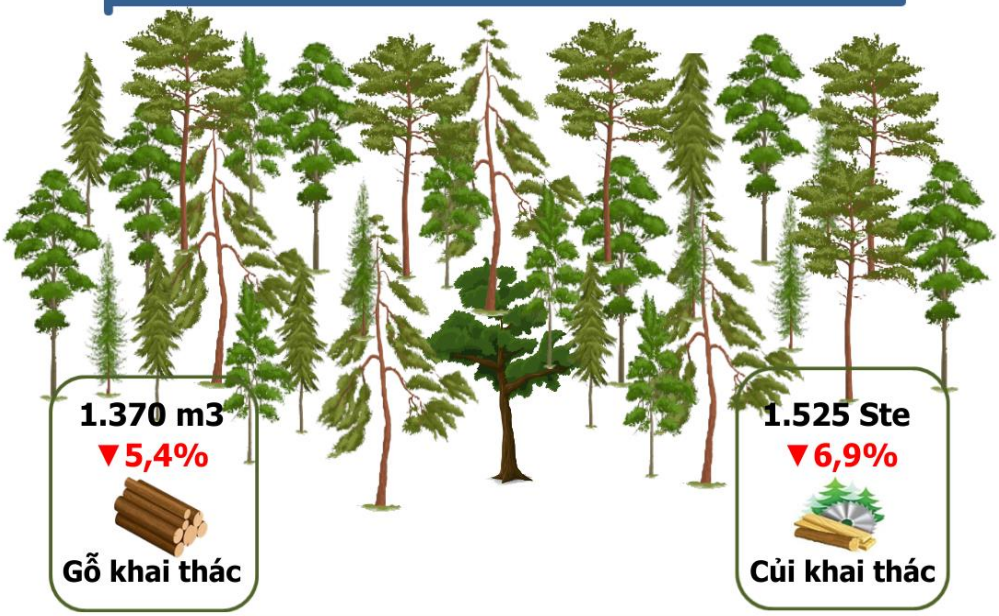

1.370 m3
▼5,4%
Gỗ khai thác

1.525 Ste
▼6,9%
Củi khai thác

THỦY SẢN ước tính 5 tháng so với cùng kỳ

Nuôi trồng
16.948,8 tấn
▲2,8%

Sản lượng thủy sản
17.497,4 tấn
▲2,9%

Khai thác
548,6 tấn
▲7,1%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số IIP 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

▲ 0,16%

TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

▲ 0,05%
Chế biến chế tạo

▲ 11,08%
Sản xuất và phân phối điện

▲ 21,32%
Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải

SẢN PHẨM CHỦ YẾU 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Điện thoại thông minh	Máy in	Bình đun nước nóng
▲ 2,6 %	▲ 10,7 %	▲ 6,4 %
14,5 Triệu cái	3,5 Triệu cái	371 Nghìn cái
Quần áo các loại	Đồng hồ thông minh	Linh kiện điện tử
▲ 19,3 %	▼ 7,1 %	▼ 0,6 %
22,6 Triệu cái	9,1 Triệu cái	149,9 Nghìn tỷ đồng
Pin điện thoại	Kính các loại	Giấy các loại
▲ 11,1 %	▼ 1,1 %	▲ 0,1 %
46,9 Triệu viên	67,1 Nghìn tấn	238,6 Nghìn tấn

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

▲6,5%

1.460 doanh nghiệp

DN đăng kí thành lập mới

▲11,1%

509 doanh nghiệp

DN quay trở lại hoạt động

▲21,8%

1.216 doanh nghiệp

DN tạm ngừng hoạt động

▲43,8%

184 doanh nghiệp

DN giải thể

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

- **31.167,5** Tỷ đồng ▲4,8% — Bán lẻ hàng hóa
- **3.735,7** Tỷ đồng ▲3% — Lưu trú, ăn uống
- **139,8** Tỷ đồng ▲409% — Du lịch lữ hành
- **6.311,5** Tỷ đồng ▲23,6% — Dịch vụ khác

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ: **41.354,5** Tỷ đồng ▲ 7,5%

VẬN TẢI

DOANH THU VẬN TẢI
▲ 19,3%

- ▲22,3% — **482,7 Tỷ đồng** — Vận chuyển hành khách
- ▲2,6% — **1.743,1 Tỷ đồng** — Vận tải hàng hóa
- ▲33,8% — **2.708,5 Tỷ đồng** — DV hỗ trợ vận tải
- ▼0,1% — **109,6 Tỷ đồng** — Bưu chính chuyển phát

5.043,9 Tỷ đồng

Sản lượng vận tải 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH			VẬN TẢI HÀNG HÓA	
8,94 Triệu lượt HK	▲12,8%	VẬN CHUYỂN	19,88 Triệu tấn HH	▲2,4%
335,3 Triệu lượt HK.Km	▲16,1%	LUÂN CHUYỂN	1.053 Triệu tấn.Km	▲2,2%

VỐN ĐẦU TƯ

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NSNN 5 tháng năm 2024 so với CK năm trước

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NSNN: 1.845 Tỷ đồng ▲3,5%

Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
925,7 Tỷ đồng ▲0,9%	503,3 Tỷ đồng ▲27,1%	416 Tỷ đồng ▼11,2%

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP FDI 5 tháng năm 2024 so với năm trước

TỔNG VỐN FDI VÀO BẮC NINH: 1.110,9 Triệu USD ▲38,2%

Vốn đăng ký mới	Điều chỉnh vốn	Góp vốn mua CP	Thu hồi vốn
▲23,9% 660,9 Triệu USD	▲50% 445,6 Triệu USD	▲211,9% 28,9 Triệu USD	▼31,6% 24,5 Triệu USD

THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

▲11%

6.348 Tỷ đồng

TỔNG CHI

▲17,6%

15.786 Tỷ đồng

TỔNG THU

NGÂN HÀNG, TÍN DỤNG

Thời điểm cuối tháng 5 năm 2024 so với cùng thời điểm năm trước

▲2,8%

207,5
Nghìn tỷ đồng

Nguồn vốn huy động

▲3,2%

205,5
Nghìn tỷ đồng

Tiền gửi & Nguồn vốn huy động khác

▼25,5%

2
Nghìn tỷ đồng

Phát hành giấy tờ có giá

▲9,7%

166,5
Nghìn tỷ đồng

Tổng dư nợ tín dụng

▲12,2%

121
Nghìn tỷ đồng

Dư nợ ngắn hạn

▲3,5%

45,5
Nghìn tỷ đồng

Dư nợ trung và dài hạn

CHỈ SỐ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

▼0,13%

▼0,19%

Chế biến, chế tạo

▲4,89%

Cung cấp nước, HĐ quản lý xử lý rác thải, nước thải

▲0,78%

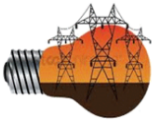

Sản xuất và phân phối điện

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG, USD

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG bình quân 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ

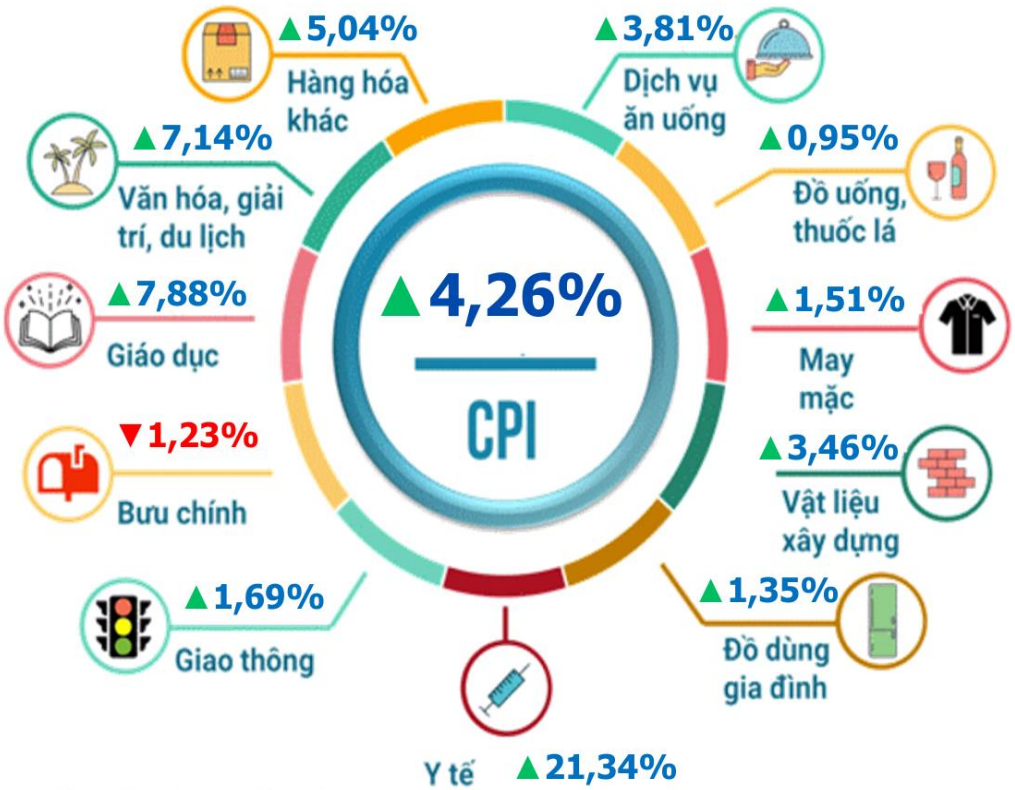

CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

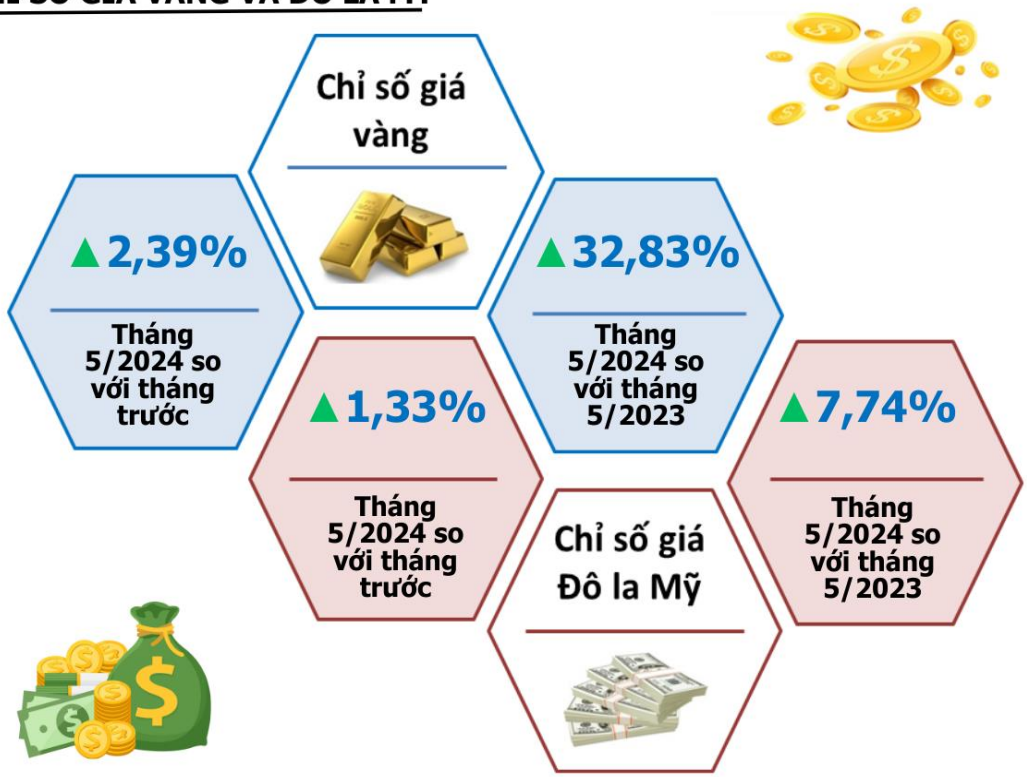

MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ HỘI

Y TẾ 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

884,4 nghìn lượt
▲4%

Khám chữa bệnh

92,3 nghìn lượt
▲11,7%

Điều trị nội trú

TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI 5 tháng năm 2024 so với CK năm trước

Tai nạn giao thông | **141** vụ | **= 8,3** lần

74 người
= 4,9 lần

Người chết

82 người
= 16,4 lần

Người bị thương

Vi phạm trật tự xã hội | **383** vụ | **▲40,3%**

Cháy nổ | **28** vụ | **▲460%**

1 người

Người chết

2 người

Người bị thương

Vi phạm môi trường | **203** vụ | **▼8,6%**

191 vụ
▼12 %

Xử lý

2,9 tỷ đồng
▼40,8 %

Nộp phạt